TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN M** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DSST
Ngày: 09/6/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M-TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Ẩn

2. Bà Ngô Thị Út Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Lư Thủy T**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ cư trú: Số 197, ấp P T, xã T P T, huyện C T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh Hồng N; trú tại: Số 88 QL1A, ấp P T, xã T P T, huyện C T, tỉnh Hậu Giang là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021), có mặt.

-***Bị đơn****:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm: 1955.

Địa chỉ cư trú: Khu vực B V, phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Lư Thủy T đều trình bày:

Ông Lê Văn H có đến cửa hàng điện T T 2 do chị T làm chủ, giữa chị T và ông H có ký kết hợp đồng mua bán và chỉ thỏa thuận giao kết bằng miệng với nhau. Theo đó, ông Lê Văn H là bên mua, còn cửa hàng điện T T 2 là bên bán. Đối tượng của hợp đồng mua bán chủ yếu là vật tư điện, nước và một số vật tư khác của cửa hàng. Số lượng vật liệu, ngày giao hàng và thành tiền là

bao nhiêu thì đều thể hiện rất rõ trên hóa đơn. Với phương thức thanh toán theo từng đợt.

Ngày 01/12/2020, ông Lê Văn H có làm "Giấy cam kết thanh toán nợ" nội dung xác nhận còn nợ chị T là 43.000.000 đồng. Ông cam kết trả trong thời gian tối đa từ ngày 01/12/2020 đến ngày 13/01/2021 trả dứt nợ. Ông cam kết rằng sau thời gian nêu trên, nếu ông không thanh toán số nợ 43.000.000 đồng thì sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời sẽ trả thêm phần lãi suất đã thỏa thuận tính theo lãi suất ngân hàng là 11%/năm.

Dù đã có làm giấy cam kết thanh toán nợ nhưng tính đến thời điểm hiện tại ông H vẫn chưa thanh toán số tiền ông còn nợ. Nay chị T yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn H trả cho chị T số tiền còn nợ 43.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi đã thỏa thuận.

Phần trình bày của bị đơn – ông Lê Văn H:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ kiện trên thì tiến hành tống đạt triệu tập bị đơn, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt, cho nên Tòa án đã căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai giải quyết vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 43.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở *ý kiến trình bày đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]*Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán" (Vật tư điện, nước). Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo thủ tục quy định và đã triệu tập hợp lệ đối vơi bị đơn ông Lê Văn H nhưng đều vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét yêu cầu của chị Nguyễn Lư Thủy T đòi ông Lê Văn H trả 43.000.000 đồng tiền mua vật tư điện, nước. Khi mua ông H có cam kết xác nhận còn nợ chị T 43.000.000 đồng, cam kết

trả số tiền từ ngày 01/12/2020 đến ngày 13/01/2021, tính đến nay ông H vẫn chưa thanh toán số tiền trên mặc dù có cam kết nhưng không thực hiện, nên chị T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, nhưng bị đơn đều vắng mặt. Căn cứ vào giấy cam kết xác nhận, thanh toán nợ của bị đơn, Hội đồng xét xử khẳng định việc bị đơn cam kết thanh toán nợ cho nguyên đơn là có thật.

Tuy bị đơn vắng mặt, nhưng theo chứng cứ do nguyên đơn xuất trình về cam kết xác nhận, thanh toán nợ đã chứng minh được bị đơn còn nợ chưa hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên, cho nên bị đơn phải chịu trách nhiệm về việc cam kết trả nợ của mình đối với nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn đòi lại số tiền mà bị đơn còn nợ là có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 43.000.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại số tiền còn nợ, không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do bị đơn là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 164, Điều 166, Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật Dân sự ;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Lư Thủy T.

Buộc bị đơn ông Lê Văn H trả cho chị Nguyễn Lư Thủy T số tiền 43.000.000 đồng *(Bốn Mười ba triệu đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

2/. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn được nhận lại số tiền 1.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 011586 ngày 23/3/2021 của Chi cụcThi hành án dân sự quận M.

- Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP/CT;
- VKSND – Q. M;
- Chi cục THADS- Q. M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng